

Chương III

MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở HOANG MẠC

Bài 19. MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

HS cần :

– Nắm được đặc điểm cơ bản của hoang mạc (khí hậu cực kì khô hạn và khắc nghiệt) và phân biệt được sự khác nhau giữa hoang mạc nóng với hoang mạc lạnh.

– Biết được cách thích nghi của động vật và thực vật với môi trường hoang mạc.

2. Về kĩ năng :

HS rèn luyện các kĩ năng :

– Đọc và so sánh 2 biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa.

– Đọc và phân tích ảnh địa lí, lược đồ địa lí.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khi giải thích nguyên nhân hình thành hoang mạc, GV cần dựa vào các kiến thức đã học : những nơi chịu ảnh hưởng của dòng hải lưu lạnh, xa biển hoặc nằm sâu trong lục địa, ở chí tuyến có thời kì khô hạn kéo dài và ít mưa.

2. Trong lược đồ 19.1 có vùng rìa hoang mạc còn gọi là vùng bán hoang mạc.

3. Hoang mạc là môi trường xa lạ với HS. Do đó, trong khi giảng dạy, GV cần tận dụng kênh hình trong bài để hình thành các khái niệm về hoang mạc cho HS.

4. Trọng tâm của bài học : Mục 1. Câu hỏi trọng điểm : Câu 1.

III – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Bản đồ khí hậu thế giới.
- Lược đồ các đai khí áp trên thế giới.
- Ảnh chụp các hoang mạc ở châu Á, châu Phi, châu Mĩ, Ô-xtrây-li-a (sưu tầm từ tạp chí hay lịch).

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI MỚI

1. Lời giới thiệu

Bài này phác hoạ vài nét về hoang mạc (khí hậu khắc nghiệt, khô hạn, hoang mạc có ở mọi châu lục và diện tích ngày càng mở rộng) để khơi dậy tính tò mò của HS.

2. Gợi ý dạy mục 1

Bước 1 : GV yêu cầu HS quan sát lược đồ 19.1 và trả lời câu hỏi trong SGK. Để cho HS dễ trả lời, GV có thể lưu ý các em vận dụng các kiến thức đã học ở lớp 6 (ảnh hưởng của dòng hải lưu đối với khí hậu, ảnh hưởng của vị trí gần hay xa biển) và ở bài "Môi trường nhiệt đới" ở đầu lớp 7 (càng về gần chí tuyến, thời kì khô hạn càng kéo dài và lượng mưa càng ít) để giải thích.

GV hướng dẫn để HS rút ra được những nguyên nhân hình thành các hoang mạc trên thế giới : có dòng biển lạnh ngoài khơi ngăn hơi nước từ biển vào, nằm sâu trong nội địa xa ảnh hưởng của biển, nằm dọc theo đường chí tuyến là nơi rất ít mưa. GV có thể giải thích : ở 2 chí tuyến có 2 giải khí cao áp, hơi nước khó ngưng tụ thành mây. Trên tất cả các châu lục của thế giới, ở những nơi có các nhân tố trên đều có thể trở thành hoang mạc.

Bước 2 : GV chỉ vị trí của 2 địa điểm có biểu đồ trên lược đồ 19.1, yêu cầu HS quan sát 2 biểu đồ khí hậu 19.2 (Bin-ma- Ni-giê), 19.3 (Đa-lan Gia-đa-gat – Mông Cổ) để rút ra các nhận xét. Các biểu đồ này được lựa chọn với đường biểu diễn nhiệt độ trong năm đồng dạng với nhau, do đó nếu GV lưu ý HS đến đường đồ ở vạch 0°C là HS có thể tìm được sự khác nhau giữa 2 loại hoang mạc.

– Đặc điểm chung về khí hậu của các hoang mạc : lượng mưa rất ít (Bin-ma 21mm, Đa-lan Gia-đa-gat 125mm), biên độ nhiệt năm rất lớn (Bin-ma 24°C , Đa-lan Gia-đa-gat 44°C). GV bổ sung thêm : cả biên độ nhiệt ngày cũng rất lớn, giữa trưa nhiệt độ có thể lên đến 40°C nhưng ban đêm hạ xuống 0°C .

– Sự khác nhau về khí hậu giữa hoang mạc ở đới nóng với hoang mạc ở đới ôn hoà qua 2 biểu đồ :

+ Hoang mạc đới nóng : biên độ nhiệt năm cao, nhưng có mùa đông ẩm áp (trên 10°C) và mùa hạ rất nóng (trên 36°C).

+ Hoang mạc đới ôn hoà : biên độ nhiệt năm rất cao, nhưng có mùa hạ không quá nóng (khoảng 20°C) và mùa đông rất lạnh (đến -24°C). GV bổ sung thêm : Tuy mùa đông rất lạnh nhưng do không khí khô khan nên rất hiếm khi có tuyết rơi và lượng mưa tuy ít nhưng ổn định, không biến động nhiều giữa các năm như ở hoang mạc đới nóng.

Bước 3 : GV hướng dẫn HS quan sát 2 ảnh 19.4 (Xa-ha-ra), 19.5 (A-ri-dô-na – Hoa Kỳ) và mô tả quang cảnh của hoang mạc châu Phi và hoang mạc Bắc Mĩ. Khi HS mô tả, GV theo dõi và bổ sung :

– Hoang mạc Xa-ha-ra ở châu Phi nhìn như một biển cát mênh mông (từ đông sang tây : 4.500 km, từ bắc xuống nam : 1.800 km) với những đụn cát di động. Một số nơi là ốc đảo với các cây chà là có dáng như cây dừa.

– Hoang mạc A-ri-dô-na ở Bắc Mĩ là vùng đất sỏi đá với các cây bụi gai và các cây xương rồng nên không lồ cao đến 5 m, mọc rải rác.

Từ các mô tả của HS qua 2 ảnh hoang mạc, GV yêu cầu HS tổng hợp các điều đã được học ở mục 1 để trình bày :

– Thế nào là hoang mạc ?

– Hoang mạc có những đặc điểm gì ?

3. Gợi ý dạy mục 2

Bước 1 : GV cho HS vận dụng kiến thức sinh học để giải thích : Trong điều kiện khí hậu khô hạn và khắc nghiệt như thế, thực vật và động vật phải thích với khí hậu như thế nào ?

Bước 2 : HS chia tổ thảo luận trong vòng 2 phút. Một số nhóm trao đổi về cách thích nghi của thực vật, các nhóm khác trao đổi về cách thích nghi của động vật đối với khí hậu khô hạn và cử đại diện trình bày ý kiến của nhóm.

Sau đó, GV gọi đại diện của một nhóm lên trình bày về cách thích nghi của thực vật. Nếu chưa đầy đủ, GV gọi lần lượt đại diện các nhóm khác bổ sung.

Khi lớp đóng góp ý kiến xong, GV yêu cầu đại diện của một nhóm khác trình bày về cách thích nghi của động vật. Trong khi các đại diện của nhóm

trình bày và HS bổ sung, GV cần lưu ý HS : sự thích nghi đây là thích nghi với khô hạn, có nghĩa là thích nghi với sự thiếu nước và chống bốc hơi nước.

Bước 3 : Cuối cùng, GV yêu cầu HS rút ra kết luận chung về cách thích nghi với khí hậu khô hạn khắc nghiệt của giới sinh vật (động vật, thực vật và cả con người). GV cần hướng dẫn HS nêu được 2 cách thích nghi của sinh vật để sống trên hoang mạc :

– Tự hạn chế sự mất nước : thân lá bọc sáp hay biến thành gai ; bò sát và côn trùng vùi xuống cát, chỉ ra ngoài kiếm ăn vào ban đêm ; lạc đà ít đổ mồ hôi khi hoạt động, người mặc áo choàng nhiều lớp trùm kín đầu để tránh mất nước vào ban ngày và chống rét vào ban đêm...

– Tăng cường dự trữ nước và chất dinh dưỡng trong cơ thể : cây có bộ rễ sâu và toả rộng, cây xương rồng khổng lồ và cây có thân hình chai để dự trữ nước trong thân cây, lạc đà ăn và uống nhiều để dự trữ mỡ ở trên bướu...

V – GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI

Câu hỏi 1 đòi hỏi HS phải trình bày và chứng minh cụ thể 2 đặc điểm của hoang mạc :

– Tính chất cực kì khô hạn của khí hậu thể hiện ở lượng mưa rất ít và lượng bốc hơi cao.

– Tính chất khắc nghiệt của khí hậu thể hiện ở nhiệt độ và biên độ nhiệt ngày, biên độ nhiệt năm.

Câu hỏi 2 đòi hỏi HS trước tiên phải nêu được 2 cách thích nghi với cuộc sống trong hoang mạc của sinh vật là :

– Tự hạn chế sự mất nước.

– Tăng cường dự trữ nước, dự trữ chất dinh dưỡng.

Sau đó mới dẫn chứng về các cách thích nghi của thực vật, của động vật sống trên hoang mạc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Địa lí trong trường học (tập I)* – Nguyễn Hữu Danh – NXB Giáo dục, 1999 (trang 102–112).
- *Địa lí trong trường học (tập II)* – Nguyễn Hữu Danh (Chủ biên) – NXB Giáo dục (trang 110–113).